



pāo guāng

抛光

verb · polish; buff

Example Sentences

Tā bǎ jīn shǔ biǎo miàn pāo guāng
他把金属表面抛光。

He polished the metal surface.

Zhè kuài yù shí xū yào pāo guāng cái néng mài
这块玉石需要抛光才能卖。

This piece of jade needs to be polished before it can be sold.

Trace each character, then write the word on your own.

抛	抛	抛	抛	抛	抛	抛	抛	抛	抛
光	光	光	光	光	光	光	光	光	光